TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và bà Lại Thị Lan
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 384/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2023, Thông báo thay đổi thời gian xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 26/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mai X, sinh năm 1989; địa chỉ: Kdc T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương, có mặt.
- Bị đơn: Anh Trần Đình C, sinh năm 1984; địa chỉ: Kdc T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương, vắng mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh trụng; có mặt khi tuyên án.
- Người làm chứng: Ông Trần Đình H, sinh năm 1963, địa chỉ: Kdc T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương, vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2023, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/6/2008 tại UBND xã T, nay là phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2023 thì mâu thuẫn trở lên trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh C chơi bời, nợ nần, vợ chồng hay cáu gắt, cãi chửi nhau. Hai bên gia đình và bạn bè cũng đã động viên khuyên giải để vợ chồng hòa thuận nhưng không thành mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Tuy sống cùng nhà nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp để có gia đình hạnh phúc. Chị xác định

mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Trần Chiến T, sinh ngày 12/8/2009 (giới tính: Nam) và cháu Trần Thúy H1, sinh ngày 08/10/2013 (giới tính: Nữ). Sau khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cả 2 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con đến khi con trưởng thành. Chị làm nghề bán thịt lợn, thu nhập bình quân 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, anh* Trần Đình C *trình bày:* (Về điều kiện kết hôn như chị X trình bày trên). Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là cũng do anh có lúc chơi bời vì khi đó anh uống rượu say nên đã bị lừa mất một số tiền do chơi cá độ bóng đá, dẫn đến nợ nần. Đôi khi vợ chồng có xảy ra xô xát, nhưng từ khi chị X xin ly hôn anh tại Tòa, anh đã biết lỗi và dừng việc chơi bời, mà tu chí làm ăn, không đánh chị X lần nào nữa. Anh thấy rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức phải ly hôn, nên anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, chị X xin ly hôn thì anh không nhất trí ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị X trình bày. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh muốn nuôi cả 2 con, anh tự nguyện không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề giao trứng vịt lộn, thu 40 triệu đồng/tháng.

Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai, ông* Trần Đình H *trình bày:* Ông là bố đẻ của anh Trần Đình C. Anh C và chị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh C và chị X về ở tại gia đình ông ở T, T, K. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, anh C và chị X chung sống hạnh phúc và đầm ấm đến khoảng đầu năm 2022 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị thường xuyên có sự cãi chửi nhau, bất đồng với nhau trong cuộc sống. Gia đình cũng đã động viên anh chị để anh chị chung sống với nhau cho con cái có bố có mẹ nhưng nay chị X vẫn có đơn gửi ra Tòa án để xin ly hôn anh C. Quan điểm của ông sẽ động viên khuyên bảo anh chị đoàn tụ, trong trường hợp anh chị không thể đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh C và chị X có 2 con chung là cháu Trần Chiến T, sinh năm 2009 và cháu Trần Thúy H1, sinh năm 2013. Hiện nay cả 2 cháu đều ở cùng nhà với anh C và với gia đình ông. Nếu anh C được nuôi cả 2 cháu ông sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và chăm sóc các cháu. Do công việc bận không thể đến Tòa án nên ông đề nghị được vắng mặt.

- *Cháu* Trần Thúy H1, Trần Chiến T *trình bày:* Cháu thấy trong cuộc sống bố mẹ cháu có mâu thuẫn. Trường hợp bố mẹ cháu không chung sống cùng nhau, cháu H1 tự nguyện xin ở với mẹ, cháu T tự nguyện xin ở với bố.

- *Xác minh tại khu dân cư, ông* Nguyễn Phồn K - *Trưởng khu dân cư cho biết:* Sau khi kết hôn anh C và chị X sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ anh C là ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị L ở T, T, K. Anh C và chị X có hộ khẩu thường

trú tại T, thái T1, thời gian gần đây anh C và chị X có mâu thuẫn hai vợ chồng đã không có tiếng nói chung. Nguyên nhân cụ thể thế nào ông không nắm được. Nay chị X có đơn xin ly hôn anh C, ông đề nghị Tòa án hòa giải, trường hợp không thể đoàn tụ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị X, anh C đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị X vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh C, giải quyết việc nuôi con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

- Bị đơn – anh C vắng mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và phần tranh tụng, có mặt khi tuyên án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mai X; xử cho chị X được ly hôn với anh Trần Đình C. *Về con chung:* Giao cháu Trần Chiến T, sinh ngày 12/8/2009 cho anh C, giao cháu Trần Thúy H1, sinh ngày 08/10/2013 cho chị X chăm sóc nuôi dưỡng, kể từ tháng 2/2024 đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. *Về án phí:* Chị Trần Thị Mai X phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh C có nơi cư trú tại phường T, thị xã K nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh C.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị X và anh C có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung

sống, chị X và anh C đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn thụ nhưng không thành. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C. Như vậy, vợ chồng không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Điều đó thể hiện anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị X, xử cho chị X ly hôn anh C là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị X, anh C có 02 con chung là cháu Trần Chiến T, sinh ngày 12/8/2009 (giới tính: Nam) và cháu Trần Thúy H1, sinh ngày 08/10/2013 (giới tính: Nữ). Chị X, anh C đều đủ điều kiện nuôi con, quan điểm của cháu H1 muốn ở cùng mẹ, quan điểm cháu T muốn ở cùng bố. Do đó, cần giao cháu H1 cho chị X, giao cháu T cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 2/2024 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị X, anh C đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn - chị X phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Chị X có mặt, anh C có mặt tại phiên tòa khi HĐXX tuyên án. Do đó, chị X, anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mai X.

1.1. Xử cho chị Trần Thị Mai X ly hôn anh Trần Đình C.

1.2. Giao cháu Trần Thúy H1, sinh ngày 08/10/2013 cho chị X, giao cháu Trần Chiến T, sinh ngày 12/8/2009 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 2/2024 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Mai X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2023/0000063 ngày 23/10/2023, chị X đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị X, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

Nơi nhận:
- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (số GCNKH 32 ngày 24.6.2008);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công bố trên CTTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, VP.